

ĐÔ THỊ HÓA VÀ ĐÔ THỊ HÓA BỀN VỮNG Ở QUẢNG BÌNH THỰC TRẠNG VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY

TS. NGUYỄN VĂN MẠNH
ThS. NGUYỄN THỊ MỸ LỘC
Trường Đại học Khoa học Huế

Đô thị hóa (urbanization) là một quá trình phát triển kinh tế - xã hội để biến một vùng dân cư không có cuộc sống đô thị thành vùng dân cư mang thuộc tính xã hội đô thị - xã hội mà người dân chuyển dần từ lao động nông nghiệp sang các hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Quá trình này đang diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp ở mọi vùng miền trên đất nước ta, trong đó có tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, trong suốt thời gian qua, yếu tố bền vững của quá trình đô thị hóa ở nước ta nói chung và Quảng Bình nói riêng chưa nhận được sự quan tâm đúng mức về cả nhận thức và thực tiễn vận động, phát triển của nó. Bài viết này tập trung phân tích các vấn đề cơ bản, như lý luận về đô thị hóa và đô thị hóa bền vững, thực trạng đô thị hóa và đô thị hóa bền vững trong thời gian qua ở Quảng Bình, những vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp liên quan đến quá trình đô thị hóa và đô thị hóa bền vững ở Quảng Bình.

1. Lý luận về đô thị hóa và đô thị hóa bền vững

Để hiểu về đô thị hóa, trước hết phải luận bàn về khái niệm đô thị. Đô thị là một hình thức tổ chức xã hội; nó là sản phẩm của một quá trình phát triển của xã hội loài người. Con người trong thời kỳ công xã nguyên thủy với nền kinh tế khai thác/ tước đoạt (hái lượm, săn bắn, đánh cá), nên tổ chức xã hội tồn tại theo những cộng đồng thị tộc, bộ lạc/ cộng đồng dựa trên quan hệ huyết tộc. Tiếp theo, vào thời kỳ tan rã chế độ công xã nguyên thủy, chuyển sang xã hội văn minh, kinh tế sản xuất ra đời

(trồng trọt và chăn nuôi), con người định cư thành những làng mạc và theo đó cấu trúc xã hội được hình thành là làng bản/ nông thôn với quan hệ láng giềng chiếm địa vị chủ yếu. Kinh tế sản xuất phát triển đến một mức độ nhất định, các làng bản/ nông thôn định cư lâu đời, đòi hỏi phải hình thành tổ chức hành chính/ nhà nước để quản lý xã hội, một bộ phận dân cư tách ra khỏi hoạt động trồng trọt, chăn nuôi để chuyển sang môi trường lao động mới: Tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ buôn bán... Phương thức sống tập trung của bộ phận dân cư trong các tổ chức hành chính, trong các phường hội ngành nghề thủ công, trong các khu giao lưu buôn bán đã dần hình thành cấu trúc xã hội đô thị.

Như vậy, theo nghĩa chung nhất, *đô thị là một xã hội có dân cư đông đúc, sống tập trung, không đồng nhất về thành phần dân cư và dựa trên nền kinh tế phi nông nghiệp là chủ yếu.*

Tuy nhiên, quá trình ra đời đô thị và dấu hiệu để đo lường sự hình thành đô thị giữa các nước ở phương Đông và phương Tây không giống nhau. Ở phương Tây, đô thị ra đời là do quá trình hình thành các thị thành tập trung những người dân chuyên làm nghề thủ công, nghề buôn bán, rồi liên minh các thị thành để hình thành các thành bang và thành bang trung tâm trở thành đô thị. Có nghĩa, nguồn gốc ra đời đô thị phương Tây bắt nguồn từ yếu tố kinh tế - kinh tế công thương/ phi nông nghiệp. Trong lúc đó, đô thị phương Đông ra đời bắt nguồn từ trung tâm chính trị/ nhà nước, tổ chức hành chính để quản lý xã hội, rồi từ đó

hình thành lớp dân cư chuyên làm nghề thủ công và buôn bán để phục vụ cho bộ máy hành chính đó. Vì vậy nguồn gốc ra đời chủ yếu của đô thị phương Đông bắt nguồn từ yếu tố chính trị, rồi sau đó mới đến yếu tố kinh tế.

Còn dấu hiệu để đo lường sự hình thành đô thị, ở phương Tây thông thường *đô thị là điểm dân cư có mật độ dân số tối thiểu là 400 người/km² (hay 400 người/ 1 dặm vuông Anh) và 75% dân số trở lên sống bằng nghề phi nông nghiệp.*

Ở Việt Nam, theo tiêu chí để xác định đô thị là:

- *Trung tâm tổng hợp hay chuyên ngành, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một vùng lãnh thổ nhất định.*

- *Quy mô dân số tối thiểu của nội thành, nội thị là 4.000 người.*

- *Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp của nội thành, nội thị từ 65% trở lên và là nơi có sản xuất dịch vụ, thương mại phát triển.*

- *Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ các hoạt động của dân cư tối thiểu phải đạt 70% mức tiêu chuẩn quy định đối với từng loại đô thị.*

- *Có mật độ dân số nội thành, nội thị phù hợp với quy mô, tính chất và đặc điểm của từng đô thị, nhưng tối thiểu là 2.000 người/km² trở lên.*

Theo đó, ở Việt Nam để đo lường sự phát triển của đô thị, người ta thường dựa vào 2 tiêu chí: Mật độ dân cư và tỷ lệ lao động phi nông nghiệp. Đối với tiêu chí thứ nhất, đô thị loại 1 mật độ dân cư trên 15.000 người/km², loại 2: 12.000 người/km², loại 3: 10.000 người/km², loại 4: 8.000 người/km², loại 5: 6.000 người/km². Đối với tiêu chí thứ hai, tỉ lệ lao động phi nông nghiệp ở đô thị loại 1 và loại 2 từ 90% trở lên, loại 3 từ 80%, loại 4 là 70%, loại 5 là 60%.

Còn đô thị hóa (urbanization) là quá trình phát triển kinh tế - xã hội để chuyển biến một vùng dân cư không có lối sống đô thị thành vùng dân cư mang thuộc tính xã hội đô thị. Đó là xã hội mà người dân chuyển dần từ nông

thôn - nông dân - nông nghiệp sang đô thị - thị dân - công thương. Để nhận biết và đo lường hiện tượng đô thị hóa, chúng ta thường so sánh sự thay đổi về mật độ dân số, phân bố dân cư, kiến trúc nhà cửa, lối sống và hình thức hoạt động kinh tế. Như vậy, đô thị hóa là một thuật ngữ bao hàm nhiều nội dung: Dân số (nơi mật độ dân cư cao, nhất là dân cư phi nông nghiệp), kinh tế (hoạt động khu công nghiệp, khu chế xuất, khu thương mại dịch vụ, ngân hàng, tài chính...), văn hóa lối sống (biến văn hóa lối sống của người nông dân thành cách ứng xử của người dân thị thành...).

Còn khái niệm đô thị hóa bền vững (sustainable urbanization) xuất hiện ở các nước châu Âu vào cuối thập niên 70 của thế kỷ XX. Đây là quá trình mở rộng đô thị trung tâm, kết nối với các chùm đô thị, các tuyến đô thị thành một mạng lưới đô thị. *Đô thị bền vững xóa bỏ niềm tự hào về một thành phố độc quyền cực lớn dân số tập trung đông, xóa bỏ quan niệm lấy nông thôn nuôi thành thị, chủ trương di dân từ nông thôn vào đô thị để tạo nên nguồn nhân lực đô thị.* Đô thị hóa bền vững vì vậy khác khái niệm phát triển xã hội bền vững; trong khi phát triển xã hội bền vững bên cạnh mục tiêu tăng trưởng kinh tế, chú trọng đến bảo vệ môi trường và công bằng xã hội, thì phát triển đô thị bền vững đòi hỏi tăng cường sức mạnh của đô thị trung tâm, cũng như cả một mạng lưới đô thị để phục vụ quá trình đô thị hóa nông thôn, đưa các khu công nghiệp, khu chế xuất, các dịch vụ thương mại, khoa học, công nghệ của nền văn minh đô thị về nông thôn, giữ lực lượng lao động trẻ ở lại nông thôn để tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hạn chế việc di dân từ nông thôn vào đô thị. Từ đó, xây dựng một mạng lưới đô thị mới với quá trình đô thị hóa nông thôn để hình thành các làng đô thị vệ tinh trong một chùm đô thị/ tuyến đô thị/ mạng lưới đô thị.

Như vậy, đô thị hóa bền vững không dừng lại ở quá trình chuyển biến/ sát nhập các vùng dân cư nông dân, nông thôn, nông nghiệp ở

vùng ven đô vào đô thị trung tâm, mà là quá trình chú trọng chuyển dịch công nghiệp hóa, hiện đại hóa, văn minh và lối sống đô thị về nông thôn để đô thị hóa ở ngay các làng xã nông thôn; từ đó hình thành các chùm đô thị/ tuyến đô thị/ mạng lưới đô thị với vai trò đầu tàu/ hạt nhân là đô thị trung tâm.

2. Thực trạng đô thị hóa và đô thị hóa bền vững trong thời gian qua ở Quảng Bình

Có thể nói, với đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI vào tháng 12 năm 1986, đã mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử dân tộc, kinh tế - xã hội bắt đầu phát triển đi lên, tác động trực tiếp đến các đô thị, tạo nên sự bùng nổ đô thị hóa trên toàn quốc, thể hiện trên cả hai mặt: chất lượng và số lượng. Về chất lượng, nhiều đô thị bắt đầu phát triển mạnh cơ sở hạ tầng và đa dạng hóa các ngành kinh tế, khiến mức độ tập trung dân cư tăng nhanh, hình thành nhu cầu khách quan mở rộng và nâng cấp đô thị về mọi mặt. Còn về số lượng, giai đoạn này chứng kiến sự xuất hiện, nâng cấp của hàng loạt đô thị từ thị trấn đến thị xã và thành phố.

Sự phát triển mạnh mẽ của quá trình đô thị hóa ở các tỉnh Quảng Bình nói riêng và cả nước nói chung trong thời gian qua vừa qua không chỉ dừng lại ở quá trình chuyển người nông dân sang lao động công nghiệp, thương mại và các dịch vụ khác mà còn chú trọng phát triển đô thị hóa bền vững, coi trọng phát triển chùm đô thị, tuyến đô thị, làng đô thị...

Ở Quảng Bình có thể nói quá trình đô thị hóa và đô thị hóa bền vững đặc biệt phát triển từ năm 1989 khi tỉnh này tách ra khỏi tỉnh Bình Trị Thiên. Từ đó, Quảng Bình phát triển

mạnh quá trình đô thị hóa. Nhiều đô thị đã hình thành, phát triển và các trung tâm đô thị mới xuất hiện trấn giữ vị trí trung tâm huyện lỵ, tỉnh lỵ thúc đẩy kinh tế - xã hội của toàn tỉnh.

Thành phố Đồng Hới ngày càng mở rộng đảm nhận vai trò thành phố trung tâm tỉnh lỵ của tỉnh; năm 2003, thành phố được công nhận đô thị loại III. Trên đà phát triển đó, năm 2014 Đồng Hới được công nhận là thành phố đô thị loại II.

Trong quá trình phát triển, ngoài đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh toàn tỉnh Quảng Bình cũng được cuốn vào cơn lốc đô thị hóa.



Sau hai năm được công nhận là đô thị loại II, TP. Đồng Hới đã đạt được nhiều thành tựu về phát triển đô thị

Ảnh: TL

Các thị trấn Ba Đồn, Lệ Ninh, Việt Trung, Kiến Giang, Hoàn Lão ngày càng được nâng cấp, chỉnh trang, trở thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội trong vùng. Không chỉ những nơi có điều kiện giao thông thuận lợi, kinh tế - xã hội phát triển mới diễn ra hiện tượng đô thị hóa; mà ngay cả những địa bàn xa xôi, đi lại khó khăn, như hai huyện miền núi Tuyên Hóa và Minh Hóa, cơn lốc đô thị hóa cũng tràn đến theo thời gian và nhịp độ phát triển của tỉnh

Quảng Bình.

Như vậy, từ một thị xã tỉnh lỵ Đồng Hới, đến năm 2015, quá trình đô thị hóa ở Quảng Bình đã làm hình thành 9 trung tâm đô thị với cơ chế hành chính đô thị đúng nghĩa, trong đó có 7 đô thị là tỉnh lỵ, huyện lỵ.

Đứng về mặt phân loại cấp độ đô thị theo chuẩn Việt Nam, Quảng Bình đang có 1 đô thị loại II, 1 đô thị loại IV và 7 đô thị loại V. Xét về mặt hành chính, Quảng Bình có 1 thành phố, 1 thị xã và 7 thị trấn.

Như vậy, trong thời kỳ đổi mới và hội nhập từ 1986 trở đi, đặc biệt với việc tách tỉnh từ năm 1989, ở Quảng Bình đã có sự bùng nổ cơn lốc đô thị hóa, với việc hình thành các trung tâm đô thị đa dạng và là động lực, mục tiêu phát triển của các địa phương. Diện mạo kinh tế - xã hội của toàn tỉnh, được cải thiện đáng kể từ sự bùng nổ đô thị hoá. Trên các địa bàn cấp huyện đều có đô thị thị trấn và hình thành thêm các thị trấn Đồng Lê, Quán Hàu, Quy Đạt; trong đó các thị trấn Ba Đồn và thị xã Đồng Hới đã vươn nhanh thành thị xã và thành phố.

Trong các chuỗi đô thị ở Quảng Bình, Đồng Hới được coi là thành phố trung tâm, nơi phân bố các khu hành chính, công nghiệp, thương mại, khu vui chơi giải trí... thuộc phường Đồng Mỹ, Đồng Hải, Đồng Phú, khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, khu chế xuất và đóng tàu Đồng Hới ở phường Hải Thành; còn vùng ven phía đông, tây, nam, bắc của thành phố đều phân bố các “làng ven đô”. Các làng này chủ yếu được hình thành thông qua quá trình tái định cư để mở rộng các khu công nghiệp đóng tàu, công nghiệp chế biến hải sản, công nghiệp vật liệu xây dựng, sân bay, các xí nghiệp cao lanh, gạch đá ốp lát Ceramic, nhà máy bia, nhà máy in, nhà máy dệt, đặc biệt là phục vụ công nghiệp du lịch, với việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng, các dịch vụ nhà hàng, khách sạn... Các làng ven đô do quá trình đô thị hóa đã dần chuyên canh rau quả, trồng hoa, làng sản xuất muối... Loại làng này chú trọng việc chuyên môn hóa nghề nghiệp và sự tồn tại các xí nghiệp vừa, nhỏ

theo chế độ cổ phần để tạo nên sản phẩm hàng hóa phục vụ nhu cầu đô thị.

Như vậy, quá trình đô thị hóa bền vững ở Quảng Bình trong thời gian qua chủ yếu chỉ tập trung phát triển các chuỗi đô thị huyện lỵ và mở rộng đô thị ra các vùng dân cư chưa có cuộc sống đô thị thành những vùng dân cư mang thuộc tính xã hội đô thị. Trong quá trình đó, thành phố Đồng Hới, với vai trò trung tâm đã thực hiện quá trình đô thị hóa vùng ven đô để chuyển biến nhiều làng xã ven đô thành những khu phố phường đô thị. Bên cạnh đó, Đồng Hới còn hình thành các làng đô thị ven đô/ làng đô chuyên canh các ngành nghề sản xuất mang giá trị hàng hóa.

3. Những vấn đề đặt ra và đề xuất một số giải pháp liên quan đến quá trình đô thị hóa và đô thị hóa bền vững ở Quảng Bình

Thứ nhất, Ở tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua đã diễn ra quá trình đô thị hóa mạnh mẽ, đều khắp về cả số lượng lẫn chất lượng. Về số lượng, từ những con số khiêm tốn các thị xã huyện lỵ, thành phố tỉnh lỵ trong những thập niên 70, hiện nay con số thành phố, thị xã, thị trấn ở từng tỉnh lên đến hàng chục. Ở Quảng Bình con số đô thị hóa hiện nay là 1 thành phố, 1 thị xã và 7 thị trấn... Về chất lượng, quá trình đô thị hóa đã diễn ra trên mọi mặt, từ chuyển biến cơ cấu kinh tế với xu hướng tăng công nghiệp, thương mại và dịch vụ hàng hóa đến chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất quy hoạch đô thị như tỷ lệ đất phi nông nghiệp tăng từ 24,46% năm 2005 lên 31,26% năm 2013, phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển biến văn hóa lối sống theo xu hướng văn hóa đô thị... Quá trình đô thị hóa còn diễn ra đều khắp từ thành phố đến thị xã, thị trấn huyện lỵ ở nông thôn đồng bằng đến các vùng miền núi xa xôi như ở Minh Hóa, Tuyên Hóa...

Tuy nhiên, những thành tựu của quá trình đô thị hóa ở các tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua đang tiềm ẩn những bất ổn, ảnh hưởng đến xu thế phát triển bền vững. Đó là vấn đề đất đai, với diện tích đất nông nghiệp giảm, người dân bị mất ruộng đất do quy

hoạch các khu dân cư, nhà máy, nhưng họ không có tay nghề, nên ngoại trừ một bộ phận lao động trẻ vào nhà máy, xí nghiệp, số còn lại tổ chức các dịch vụ thương mại tại chỗ, số khác bán hàng rong, một số thanh niên và trung niên tậu xe để làm nghề xe ôm hoặc phục vụ xây dựng dân dụng, số khác bị thất nghiệp... Đó là vấn đề môi trường, do nghìn đời nay dân cư quen sống với làng quê, ruộng vườn, sông nước, lối sống tự do đã tạo nên thói quen không cất giữ rác thải, không chú trọng đến vệ sinh môi trường, không tạo nên sự ngăn nắp gọn gàng trong gia đình, ngõ xóm nên trong môi trường đô thị mới, tình trạng ô nhiễm lại càng nặng nề hơn. Đó là vấn đề tổ chức đời sống văn hóa, do vai trò cộng đồng bị suy giảm, môi trường đô thị đã làm cho người dân quen dần với lối sống rạch ròi đến trần trụi, độc lập đến cô đơn, khiến cho nhiều mối quan hệ giữa người với người chỉ được giải quyết thông qua giá trị của đồng tiền, kể cả quan hệ ruột thịt trong một gia đình, theo đó một bộ phận cư dân đô thị có những biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, lối sống, trong đó có cả cán bộ, công chức và thanh niên, học sinh, sinh viên...

Thứ hai, Quá trình đô thị hóa ở các tỉnh Quảng Bình chủ yếu tập trung phát triển hoạt động dịch vụ thương mại, còn các khu công nghiệp, khu chế xuất phát triển rất hạn chế, quy mô nhỏ. Theo đó, đội ngũ công nhân trong các khu đô thị số lượng ít ỏi. Hoạt động sản xuất nông lâm nghiệp vẫn chiếm phần quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các đô thị.

Thứ ba, Cùng với quá trình đô thị hóa là sự chuyển đổi văn hóa và lối sống của cư dân nông nghiệp với quan hệ gia đình - dòng tộc - xóm làng sang văn hóa và lối sống của cư dân phi nông nghiệp với gia đình - đường phố - xã hội. Tuy nhiên, dù có sự chuyển đổi đó, ý thức của người dân vẫn chưa được nâng cao, thậm chí có chiều hướng ngược lại, là “nông thôn hóa thành thị”, họ sống “bằng lệ” nhiều hơn “bằng luật”; người dân quen sống tùy tiện,

ứng xử cảm tính, làm cho bệnh tùy tiện, coi thường phép nước càng trở nên trầm trọng hơn; thêm vào đó, lối sống nông dân, nông thôn đã làm cho người dân có xu hướng nhiễu loạn trong tiếp nhận văn hóa/ nếu không muốn nói kệch cỡm, theo kiểu trường giả học làm sang... Những điều này càng khiến cho việc xây dựng văn minh đô thị vốn đã bẻ bộn lại càng gặp nhiều khó khăn, thách thức.

Thứ tư, Ở Quảng Bình trong những năm qua, chủ yếu mới dừng lại quá trình đô thị hóa, còn phát triển đô thị hóa bền vững, về cơ bản mới ở trên kế hoạch hay mở rộng đô thị ra các vùng/ làng ven đô... Còn những nội dung chính của đô thị hóa bền vững vẫn chưa được thực hiện, như quá trình CNH, HĐH (CNH là lao động công nghiệp, còn HĐH là lối sống đô thị) chủ yếu tập trung ở đô thị Đồng Hới, còn các thị xã, thị trấn chủ yếu đô thị hóa tập trung ở trung tâm hành chính cấp huyện (cả tỉnh có 7/9 thành phố, thị xã, thị trấn là trung tâm hành chính cấp tỉnh, huyện) kinh tế hàng hóa dịch vụ buôn bán; việc hình thành các khu công nghiệp, khu chế xuất, nhà máy, xí nghiệp rất hạn chế, có nghĩa là quá trình CNH, HĐH rất thấp. Theo đó vẫn tồn tại hiện tượng di dân lao động với số lượng lớn từ nông thôn lên các thành thị lớn. Vì vậy, Quảng Bình chưa hình thành trên thực tế mạng lưới đô thị để phục vụ quá trình đô thị hóa nông thôn, đưa các khu công nghiệp, khu chế xuất, các dịch vụ thương mại, khoa học, công nghệ của nền văn minh đô thị về nông thôn, giữ lực lượng lao động trẻ ở lại nông thôn để tham gia vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ năm, Quá trình đô thị hóa bền vững ở Quảng Bình trong thời gian qua ít được chú trọng quy hoạch các làng đô thị vùng ven/ làng đô thị vệ tinh theo hướng dựa vào thế mạnh của vùng sinh thái, vào truyền thống dân cư để chuyên môn hóa ngành nghề, chuyên canh sản xuất các loại hàng hóa phục vụ cuộc sống đô thị, như làng hoa, làng rau quả, làng mộc mỹ nghệ, làng thêu ren...

Làm thế nào để phát triển quá trình đô thị

hóa theo xu hướng phát triển bền vững? Đó là câu hỏi lớn không dễ trả lời. Tuy nhiên, theo chúng tôi, có thể thực hiện một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Phải tăng cường vai trò đầu tàu, chuyển giao công nghệ, khoa học, kỹ thuật trợ giúp cho các vùng nông dân - nông thôn - nông nghiệp, để người dân ở các làng xã phát triển CNH, HĐH ngay trên quê hương của mình. Để làm được điều này, chúng ta phải có chính sách khuyến khích các công ty, xí nghiệp, các nhà máy, khu công nghiệp, khu chế xuất ở thành phố Đồng Hới và các thị xã, thị trấn mở các chi nhánh, các nhà máy, xí nghiệp vệ tinh ở các khu dân cư chưa có môi trường đô thị, chưa phát triển CNH, HĐH. Trên cơ sở đó người dân sẽ chuyển dần từ lao động nông nghiệp sang lao động trong môi trường công nghiệp ngay trên chính làng quê của mình và theo đó quá trình đô thị hóa sẽ diễn ra ở các làng quê đó.

Thứ hai, Phải có chính sách giảm đáng kể xu hướng di cư lao động từ nông thôn lên thành thị. Thực hiện được điều này chúng ta cần có các giải pháp đồng bộ, vừa tăng môi trường lao động công nghiệp, vừa mở rộng cơ sở hạ tầng, lối sống văn minh, hiện đại ở ngay các làng xã vốn nghìn đời nay sống trong làng quê nông dân - nông thôn - nông nghiệp/ sản xuất nhỏ, manh mún, lạc hậu. Từ đó các vùng dân cư làng xã sẽ tự mình dần hình thành các khu đô thị vệ tinh/ chùm đô thị, trong sự kết nối mật thiết với đô thị trung tâm. Làm được điều đó, chúng ta sẽ giảm đáng kể hiện tượng di cư lao động từ nông thôn lên thành thị.

Thứ ba, Cần phải chú trọng nghiên cứu, quy hoạch các khu đô thị để có sự phân công lao động, chuyên môn hóa các ngành nghề, các mặt hàng; tạo nên thế mạnh về sản phẩm công nghiệp cho từng khu đô thị. Làm được điều đó, cần phải tìm hiểu thế mạnh về môi trường sinh thái, về truyền thống ngành nghề, về khả năng hợp tác liên kết, về khả năng nguồn lực lao động của từng khu dân cư/ khu đô thị để xác định chuyên môn hóa ngành

nghề/ chuyên môn hóa nhà máy, xí nghiệp, như đô thị A chuyên sản xuất giày da, dệt may mặc, đô thị B chuyên chế biến ngư nông lâm sản, đô thị C chuyên về công nghiệp chăn nuôi, đô thị D chuyên về công nghiệp du lịch...

Thứ tư, Cần chú trọng mở rộng xây dựng các chuỗi đô thị/ chùm đô thị ở các khu dân cư làng xã, nơi đầu mối giao thông, nơi tập trung đông dân cư lao động, nơi có tiềm năng kinh tế... Không nên chú trọng phát triển các khu đô thị gắn với trung tâm hành chính huyện lỵ, tỉnh lỵ. Làm được điều đó chúng ta sẽ tạo nên sự liên kết hỗ trợ cho nhau trong phát triển kinh tế đô thị và tăng cường chuyên môn hóa ngành nghề cho từng vùng đô thị vệ tinh.

Tóm lại, cùng với quá trình phát triển và hội nhập quốc tế hiện nay của đất nước, những yêu cầu mới về phát triển đô thị hóa bền vững đang đặt ra rất cấp thiết, cần phải được nghiên cứu trên nhiều khía cạnh khác nhau để xây dựng và nâng cao chất lượng phát triển đô thị trên đất nước ta nói chung và ở các đô thị Quảng Bình nói riêng. Để làm được điều đó, nhất thiết phải tăng cường sức mạnh của đô thị trung tâm, cũng như cả một mạng lưới đô thị/ chuỗi đô thị/ chùm đô thị để phục vụ quá trình đô thị hóa nông thôn - nông dân - nông nghiệp ■

Tài liệu tham khảo:

1. Trương Minh Dục, Lê Văn Định (Cb) (2010), *Văn hóa và lối sống đô thị Việt Nam, một cách tiếp cận mới*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Mạc Đường (2002), *Dân tộc học đô thị và vấn đề đô thị hóa*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
3. G. Endruweit và G. Trommsdorff (2002), *Từ điển xã hội học*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Mạnh (2011), *"Tái định cư trong quá trình đô thị hóa của cư dân vùng ven đô ở một số đô thị Trung Bộ hiện nay"*, Tạp chí Dân tộc học, số 2.
5. Nguyễn Hữu Ngừ, Trần Trọng Tấn, Đinh Thị Thắm (2015), *"Nghiên cứu ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa đến việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình"*, Tạp chí Khoa học, Đại học Huế, số 4.